

Bản án số: 101/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23/3/2021

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Nhân

Các Hội thẩm nhân dân :

1/ Ông Vũ Ngọc Tiến.

2/ Bà Tiêu Kim Thuận.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 23 tháng 3 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, số 27 đường Thành Thái, Phường 14, Quận 10, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 544/2020/TLST-HNGĐ ngày 20/11/2020, về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXX-ST ngày 01/ 02 /2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2021/QĐST-HN ngày 26/02/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm 1980 (Có mặt).

Bị đơn: Ông Hoàng Thảo N, sinh năm 1975 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ thường trú: Phòng 708A chung cư R số 7/28 T, Phường A, Quận B, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo đơn khởi kiện ngày 17/11/2020, trong quá trình tố tụng và tại bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ N trình bày:

Bà N và **ông N** tự nguyện chung sống từ năm 2013 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Phú Đông, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giấy chứng nhận kết hôn số 84, quyển số 01, ngày 12/9/2013.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên gây gỗ cãi nhau. Do vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không còn tình cảm nên **Bà N** nhận thấy vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên **Bà N** xin được ly hôn với **ông N**.

Về con chung: Có 01 con chung tên Hoàng Nguyễn Đăng Khoa, sinh ngày 16/11/2019, con chung hiện đang sống cùng **Bà N**. **Bà N** yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: Do hai bên tự nguyện thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, **ông N** không đến Tòa án, không có ý kiến về việc giải quyết vụ án mặc dù đã được tổng đạt thông báo thụ lý, Thông báo và kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập họp lệ nhiều lần.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt không lý do, nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 84, quyển số 01, ngày 12/09/2013 của Ủy ban nhân dân xã Thạnh Phú Đông, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Hoàng Thảo N và bà Nguyễn Thị Mỹ N là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, nay **Bà N** yêu cầu ly hôn là tranh chấp “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn **ông N** hiện đang cư trú tại địa chỉ Phòng 708A chung cư Rivera Park số 7/28 Thành Thái, **Phường A, Quận B, Thành phố H** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tư cách tham gia tố tụng: Xét bị đơn Ông Hoàng Thảo N vắng mặt lần thứ 2 mà không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 3, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[4] Về nội dung:

[4.1] Xét yêu cầu xin ly hôn của **Bà N**, Hội đồng xét xử xét thấy :

Tại bản tự khai, bản tường trình có xác nhận của công an khu vực và các biên bản không tiến hành hòa giải được, **Bà N** trình bày, vợ chồng sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nguyên nhân là cả hai bất đồng quan điểm sống, không thể hòa hợp, cảm thông cho nhau. **Ông N** có hành vi đe dọa và bạo hành **Bà N** nhiều lần. **Bà N** đã có làm đơn khởi kiện ly hôn gửi Tòa án Quận 10 giải quyết, tuy nhiên sau đó đã rút đơn để cố gắng hàn gắn gia

đình nhưng **ông N** vẫn gia trưởng và có hành động vũ phu với **Bà N**. Do đó, **Bà N** tiếp tục nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với **ông N**.

Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nay **Bà N** xin ly hôn **ông N** là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Về con chung: Có 01 con chung tên Hoàng Nguyễn Đăng Khoa, sinh ngày 16/11/2019 hiện đang sống cùng bà Nhà và do **Bà N** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Do đó, việc giao con chung cho bà Nguyễn Thị Mỹ N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp để không ảnh hưởng đến sinh hoạt và quyền lợi mọi mặt của trẻ.

Việc cấp dưỡng nuôi con **Bà N** yêu cầu hai bên tự thỏa thuận, do đó, Tòa án không xem xét.

[4.3] Về tài sản chung: Do hai bên tự nguyện thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: **Bà N** phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 5, khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn :

Về quan hệ vợ chồng: Bà Nguyễn Thị Mỹ N được ly hôn Ông Hoàng Thảo N (**Bà N** và **ông N** có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Phú Đông, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, theo giấy chứng nhận kết hôn số 84, quyền số 01, ngày 12/9/2013).

Về con chung: Giao con chung tên Hoàng Nguyễn Đăng K, sinh ngày 16/11/2019 cho bà Nguyễn Thị Mỹ N trực tiếp nuôi dưỡng.

Việc cấp dưỡng nuôi con các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Hoàng Thảo N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

Về tài sản chung: Hai bên tự nguyện thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Bà N chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0049765 ngày 18/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- UBND xã Thạnh Phú Đông, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Nhàn